

Số: /KH-STTTT

Sơn La, ngày tháng 11 năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030**

Thực hiện Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch thực hiện CCHC giai đoạn 2021-2030 như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan; tiếp tục xây dựng cơ quan công khai, minh bạch; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công theo hướng hiện đại, nhanh chóng, thuận tiện; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CCVC) chuyên nghiệp, có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; cải cách thủ tục hành chính (TTHC), nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của cơ quan, lấy sự hài lòng cao nhất của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng tham mưu với trách nhiệm là thành viên Ban Chỉ đạo trong công tác CCHC của tỉnh. Tăng cường trách nhiệm của trưởng các phòng, đơn vị, CCVC trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC của cơ quan.

#### **2. Yêu cầu**

- Xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC phải bảo đảm nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả, đúng thời gian và bám sát sự chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.
- Cụ thể hóa từng nội dung, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm thực hiện, thời gian tiến độ và các nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ cụ thể, chi tiết.

### **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

Thực hiện công tác CCHC giai đoạn 2021-2030 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách TTHC; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Cụ thể:

#### **1. Cải cách thể chế**

##### **a) Mục tiêu**

- Rà soát, tiếp tục tham mưu hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về ưu đãi, hỗ trợ, thu hút đầu tư trong lĩnh vực thông tin và truyền thông để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính quyền số.

Tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức về lĩnh vực thông tin và truyền thông.

- Đến năm 2025:

+ 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Trung ương quy định về lĩnh vực thông tin và truyền thông được cụ thể hóa hoặc triển khai kịp thời; 100% văn bản QPPL của tỉnh quy định về lĩnh vực thông tin và truyền thông được rà soát, sửa đổi, bổ sung, phù hợp với quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

+ 100% văn bản QPPL phát hiện sai phạm qua kiểm tra được kiến nghị xử lý; 100% văn bản QPPL được kiến nghị xử lý sau rà soát;

+ 100% các văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến CCVC và người dân.

- Đến năm 2030:

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ hệ thống văn QPPL thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông góp phần xây dựng và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tham mưu xây dựng và thực thi các văn bản QPPL về lĩnh vực thông tin và truyền thông, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng các văn bản QPPL nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, cũng như trong việc phản biện và giám sát thi hành pháp luật để bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Trách nhiệm

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Thanh tra; các phòng được giao tham mưu xây dựng văn bản QPPL.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị liên quan.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

a) Mục tiêu

Rà soát, đề xuất cắt giảm thời gian và nâng cao chất lượng giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông, nhất là TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp; rà soát, lựa chọn những TTHC cần cắt giảm về quy trình và bảo đảm cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết so với quy định; tối ưu hóa quy trình giải

quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ CNTT; cải thiện; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2025:

+ Rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa số quy định và cắt giảm chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (*theo kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông, của tỉnh*);

+ Tiếp tục đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng CNTT, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp;

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ cơ quan được thực hiện bằng phương thức điện tử;

+ Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên;

+ 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 90%;

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%;

+ 100% TTHC thuộc phạm vi quản lý của Sở được công bố, công khai và cập nhật kịp thời;

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Đến năm 2030:

+ 100% TTHC, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên;

+ 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 4; đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 90%;

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%.

b) Nhiệm vụ

- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng về cải cách TTHC của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Ngành Trung ương, của Tỉnh.

- Rà soát, thống kê, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ

các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất. Triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo từng giai đoạn.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Triển khai có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC.

- Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, thực hiện việc phân cấp giải quyết TTHC theo Đề án của Chính phủ, chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Tăng cường giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC, thông qua tăng cường đối thoại, lắng ý kiến người dân, doanh nghiệp.

#### c) Trách nhiệm

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Văn phòng; Thông tin – Báo chí – Xuất bản - Bru chính.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị liên quan.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

#### a) Mục tiêu

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của Sở; tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở theo quy định. Tham mưu thực hiện phân cấp quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực được giao; nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

- Đến năm 2025:

- + Bảo đảm cơ cấu bên trong của Sở đúng quy định theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Số lượng cấp phó tại cơ quan không vượt so với quy định;

- + Phân đầu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021;

- + Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp kiện toàn số lượng cấp phó của cơ quan, đơn vị bảo đảm theo đúng quy định của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh;

- + Phân đầu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan đạt tối thiểu 90%.

- Đến năm 2030:

- + Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở theo hướng tinh gọn, hiệu quả;

- + Tiếp tục phân đầu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025;

- + Phân đầu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ

quan đạt tối thiểu 95%.

b) Nhiệm vụ

- Thực hiện tốt các quy định của Trung ương, của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; thực hiện các quy định về phân cấp quản lý; nâng cao vai trò trách nhiệm năng lực hoạt động của cơ quan.

- Đổi mới tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp thuộc Sở. Thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp.

- Triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng CNTT; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

c) Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Văn phòng, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (CNTTTT).

- Đơn vị phối hợp: Các phòng.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

a) Mục tiêu

- Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong cơ quan.

- Đến năm 2025: xây dựng được đội ngũ CCVC có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Đến năm 2030: Xây dựng được đội ngũ CCVC chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ công chức, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 50% - 75% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, trên 50% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trực thuộc sở có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

b) Nhiệm vụ

- Thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh về nâng cao chất lượng tuyển dụng CCVC phù hợp với cơ cấu và vị trí việc làm; thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý. Tiếp tục rà soát, sắp xếp đội ngũ CCVC theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ tiền lương mới đối với CCVC.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ CCVC gắn với vị trí việc làm.

- Thực hiện các phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại CCVC dựa trên kết thực hiện nhiệm vụ gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm.

- Cương quyết thay thế kịp thời đối với những CCVC không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức tại đơn vị sự nghiệp chuyên đổi hoạt động theo hướng đẩy mạnh tự chủ.

c) Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Văn phòng, Trung tâm CNTT.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng.

## **5. Cải cách tài chính công**

a) Mục tiêu

- Sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại cơ quan, đơn vị.

- Đến năm 2025: Trung tâm CNTT tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

- Đến năm 2030: tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan và Trung tâm CNTT.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thực hành tiết kiệm, hiệu quả các khoản chi tài chính, thực hiện tốt quy định về quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính và chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục thực chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và quản lý kinh phí hành chính theo quy định.

c) Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Văn phòng, Trung tâm CNTT

- Đơn vị phối hợp: Các phòng liên quan.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

a) Triển khai các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Sơn La.

\* Mục tiêu:

Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Đến năm 2025:

+ 100% Cổng dịch vụ công của tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó; 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp Chính quyền từ Trung ương đến địa phương;

+ 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại;

+ 100% Hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

+ Triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh;

+ 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật;

+ Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

+ 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Đến năm 2030:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*);

+ Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ công trực tuyến của tỉnh;

+ Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật, kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% TTHC; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

+ Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

\* Nhiệm vụ chung

- Hoàn thiện môi trường pháp lý:

+ Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính quyền số các cấp;

+ Ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

- Phát triển hạ tầng số:

+ Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh;

+ Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh;

+ Tái cấu trúc hạ tầng CNTT, chuyển đổi hạ tầng CNTT thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả;

+ Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh của tỉnh.

- Phát triển nền tảng và hệ thống số:

+ Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh;

+ Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi toàn tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...;

+ Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Phát triển dữ liệu số:

+ Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ tỉnh; thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của tỉnh với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

+ Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh;

+ Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; kết nối, tích hợp theo thời gian thực với các Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ;

+ Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích



hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định;

+ Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài địa phương theo nhu cầu;

+ Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ;

+ Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước;

+ Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh, hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh lên cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước;

+ Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

+ Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như giám sát giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí;

+ Lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh để triển khai thử nghiệm một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

c) Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị liên quan.

b) Triển khai tại cơ quan

\* Mục tiêu

Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Đến năm 2025:

+ 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật;

+ 100% tổng số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

+ 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của cơ quan để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;

+ 50% hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Đến năm 2030:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

+ 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*);

+ Trên 90% người dân, tổ chức hài lòng với dịch vụ công trực tuyến của Sở;

+ Phần đầu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

\* Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành. 100% văn bản, tài liệu chính thức được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử; 100% văn bản đi (trừ những văn bản mật) được ký số chuyên dùng và ban hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử hồ sơ công việc của cơ quan. CCVC trong cơ quan, đơn vị sử dụng hiệu quả thư điện tử công vụ vào trao đổi công việc.

- Tiếp tục tuyên truyền và đẩy mạnh việc triển khai cung cấp và tiếp nhận, giải quyết, xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 4; Ứng dụng có hiệu quả Hệ thống Một cửa điện tử, cập nhật đầy đủ thông tin giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử của Sở. Thông tin giao diện đảm bảo đầy đủ theo quy định. Thường xuyên cập nhật đăng tin, bài liên quan đến hoạt động của cơ quan.

c) Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Các phòng, đơn vị

### **III. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

Nội dung các nhiệm vụ cụ thể (*có Phụ lục kèm theo*).

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Các phòng, đơn vị thuộc Sở**

- Căn cứ vào kế hoạch này và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh các phòng, đơn vị nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung CCHC thuộc lĩnh vực chuyên môn và nhiệm vụ được phân công.

- Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Văn phòng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện (*lồng ghép trong báo cáo định kỳ CCHC theo quy định*).

**2. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ tại điểm 1 mục IV Kế hoạch này, giao các phòng tham mưu Lãnh đạo Sở thực hiện các nhiệm vụ sau:**

### **a) Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông**

- Tham mưu triển khai thực hiện nội dung xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh theo kế hoạch

- Triển khai các mục tiêu/chỉ tiêu, nhiệm vụ tại điểm 6 mục II; điểm 7 mục VI; mục VI Phụ lục kèm theo Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ CCHC đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện gửi cơ quan thường trực CCHC của tỉnh theo quy định.

### **b) Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản – Bưu chính**

- Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **c) Văn phòng**

- Đôn đốc các phòng, đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch.

- Hàng năm chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị tổ chức đánh giá xác định Chỉ số CCHC của cơ quan.

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo định kỳ theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác CCHC giai đoạn 2021 - 2030, trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các phòng, đơn vị kịp thời phản ánh gửi về Văn phòng để tổng hợp, báo cáo Ban Giám đốc chỉ đạo, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP, HT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Tĩnh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2030**

| STT                        | Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể   | Kết quả/Sản phẩm  | Chủ trì tham mưu                                   | Phối hợp            | Thời gian   | Kinh phí  |
|----------------------------|---|---|--|---------------------|---|-----------|
| <b>I. CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b> |   |   |  |                     |   |           |
| 1                          | Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, xử lý và rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL hàng năm   | - Kế hoạch<br>- Báo cáo   | Thanh tra  | Các phòng           | Tháng 1 hàng năm                                  |           |
| 2                          | Rà soát các văn bản QPPL không còn hiệu lực gửi Sở Tư pháp trình công bố văn bản QPPL hết hiệu lực hàng năm   | - Công văn;<br>- Quyết định hết hiệu lực.   | Thanh tra  | Các phòng           | Tháng 1 hàng năm                                  |           |
| 3                          | Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng văn bản QPPL; thực hiện rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản QPPL đảm bảo phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | Hồ sơ xây dựng văn bản QPPL.  | Các phòng được giao tham mưu xây dựng văn bản QPPL | Thanh tra           | Thường xuyên                                      | Ngân sách |
| 4                          | Cập nhật văn bản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật  | - Công văn gửi Sở Tư pháp;<br>- Các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh mới ban hành về lĩnh vực thông tin và truyền thông | Thanh tra  | Các phòng liên quan | Sau khi HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL |           |
| 5                          | Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.   | - Kế hoạch  | Thanh tra  | Các phòng, đơn vị   | Tháng 1 hàng năm                                  |           |

| STT                                    | Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể  | Kết quả/ Sản phẩm                                   | Chủ trì tham mưu   | Phối hợp  | Thời gian                                 | Kinh phí  |
|--|--|---|--|---|---|-----------|
|  |  | - Báo cáo kết quả thực hiện                         |  |   |   |           |
| 6                                      | Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật  | - Kế hoạch<br>- Báo cáo kết quả thực hiện           | Thanh tra  | Các phòng, đơn vị                               | Tháng 1 hàng năm                          |           |
| <b>II. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> |  |   |  |   |   |           |
| 1                                      | Kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm   | - Kế hoạch<br>- Báo cáo theo quy định               | Văn phòng  | Các phòng liên quan                             | Quý I hàng năm                            |           |
| 2                                      | Năm 2021, tổ chức triển khai quy trình số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%; giai đoạn 2022-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử | Hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa | - Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản - Bưu chính; công chức làm tại bộ phận một cửa của Sở | Văn phòng                                       | Năm 2021-2025                             | Ngân sách |
| 3                                      | Hoàn thành việc triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh  | Báo cáo theo quy định                               | Văn phòng  | Các phòng, đơn vị liên quan                     | 2025                                      | Ngân sách |
| 4                                      | Thực hiện Đề án “Phân cấp trong giải quyết TTHC”   | Báo cáo theo quy định                               | Văn phòng  | Phòng Thông tin- Báo chí – Xuất bản - Bưu chính | 2022                                      |           |
| 5                                      | Tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp để tháo gỡ hoặc đề xuất tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông  | - Kế hoạch/Thông báo<br>- Báo cáo theo quy định     | Văn phòng  | Các phòng, đơn vị liên quan                     | Định kỳ hàng quý; đột xuất khi có yêu cầu | Ngân sách |

| STT   | Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể  | Kết quả/ Sản phẩm   | Chủ trì tham mưu                 | Phối hợp                    | Thời gian                              | Kinh phí  |
|---|--|---|----------------------------------|-----------------------------|--|-----------|
| 6   | Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính và giải quyết TTHC của cơ quan  | - Các văn bản trả lời phản ánh, kiến nghị;<br>- Báo cáo theo quy định | Văn phòng                        | Các phòng, đơn vị liên quan | Thường xuyên                           |           |
| <b>III. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b> |  |   |                                  |                             |  |           |
| 1   | Tham mưu Quyết định giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính giai đoạn 2022-2026 đối với đơn vị thuộc Sở  | - Công văn;<br>- Quyết định;<br>- Báo cáo kết quả theo quy định.      | - Văn phòng;<br>- Trung tâm CNTT |                             | Quý IV/2021                            | Ngân sách |
| 2   | Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy Sở theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 về quy định chức năng nhiệm vụ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La. | - Quyết định;<br>- Báo cáo kết quả theo quy định.                     | Văn phòng                        | Các phòng, đơn vị           | Quý IV/2021                            |           |
| 3   | Sắp xếp, tổ chức đơn vị sự nghiệp thuộc Sở theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập  | - Quyết định;<br>- Báo cáo kết quả theo quy định.                     | - Văn phòng;<br>- Trung tâm CNTT |                             | Quý IV/2021;<br>Quý I/2022             |           |
| 4   | Triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố  | - Các văn bản triển khai;<br>- Báo cáo kết quả theo quy định.         | Văn phòng                        | Các phòng, đơn vị           | Khi UBND tỉnh ban hành                 |           |
| 5   | Phối hợp triển khai thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước  | Các văn bản triển khai.   | Văn phòng                        | Các phòng, đơn vị           | Khi có Kế hoạch của UBND tỉnh và hướng |           |

| STT                                | Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể  | Kết quả/ Sản phẩm  | Chủ trì tham mưu                  | Phối hợp          | Thời gian                                    | Kinh phí |
|------------------------------------|--|--|-----------------------------------|-------------------|--|----------|
|                                    |  |  |                                   |                   | dẫn của Sở<br>Nội vụ                         |          |
| <b>IV. CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b> |  |  |                                   |                   |  |          |
| 1                                  | Xây dựng Đề án vị trí việc làm theo Nghị định 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập | - Tờ trình;<br>- Dự thảo Đề án;<br>- Báo cáo kết quả theo quy định | - Văn phòng;<br>- Trung tâm CNTT. | Các phòng         | Thường xuyên                                 |          |
| 2                                  | Phối hợp triển khai thực hiện Đề án “Liên thông trong công tác đánh giá đảng viên và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức” (khi có hướng dẫn của Sở Nội vụ)   | Các văn bản triển khai.  | Văn phòng                         | Các phòng, đơn vị | 2022   |          |
| 3                                  | Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, giai đoạn  | - Kế hoạch;<br>- Báo cáo kết quả thực hiện.                        | Văn phòng                         | Các phòng, đơn vị | - Quý IV hàng năm<br>- Báo cáo theo quy định |          |
| 4                                  | Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể  | - Quyết định;<br>- Công văn;<br>- Báo cáo kết quả theo quy định    | Văn phòng                         | Các phòng, đơn vị | Quý IV hàng năm                              |          |
| 5                                  | Cử công chức, viên chức của Sở tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực thực hiện công tác cải cách hành chính do Trung ương, Tỉnh tổ chức   | - Công văn;<br>- Quyết định.                                       | Văn phòng                         | Các phòng, đơn vị | Hàng năm                                     |          |
| <b>V. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>  |  |  |                                   |                   |  |          |
| 1                                  | Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.   | - Kế hoạch;<br>- Chương trình;<br>- Báo cáo kết quả theo quy định  | - Văn phòng;<br>- Trung tâm CNTT. | Các phòng         | Hàng năm                                     |          |
| 2                                  | Sửa đổi bổ sung các quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị (quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản..)   | - Quy chế;<br>- Báo cáo kết quả theo quy định                      | - Văn phòng;<br>- Trung tâm CNTT. | Các phòng         | Hàng năm                                     |          |

| STT  | Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể   | Kết quả/Sản phẩm  | Chủ trì tham mưu                       | Phối hợp  | Thời gian       | Kinh phí       |
|--|---|---|--|-----------|-----------------|----------------|
| 3  | Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.               | Báo cáo kết quả theo quy định                                 | Trung tâm CNTT.                        |           | Hàng năm        |                |
| 4  | Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước   | - Quyết định;<br>- Báo cáo kết quả thực hiện                  | - Văn phòng;<br>- Trung tâm CNTT.      | Các phòng | Hàng năm        |                |
| <b>VI. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>  |   |   |  |           |                 |                |
| <b>1. Triển khai các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Sơn La.</b> |   |   |  |           |                 |                |
| 1.1  | Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số tỉnh Sơn La hàng năm   | - Quyết định<br>- Kế hoạch<br>- Báo cáo kết quả theo quy định | Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông |           | Quý IV hàng năm | Ngân sách tỉnh |
| 1.2  | Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền số của các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La hàng năm   | - Quyết định<br>- Kế hoạch<br>- Báo cáo kết quả theo quy định | Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông |           | Quý IV hàng năm | Ngân sách tỉnh |
| 1.3  | Triển khai thực hiện Đề án Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025  | Báo cáo kết quả triển khai theo quy định                      | Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông |           | 2022            | Ngân sách tỉnh |
| 1.4  | Ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử  | Quyết định của UBND tỉnh                                      | Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông |           | 2025            | Ngân sách tỉnh |
| 1.5  | Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh   | Quyết định của UBND tỉnh                                      | Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông |           | 2022            | Ngân sách tỉnh |
| 1.6  | Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP)  | Báo cáo kết quả theo quy định                                 | Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông |           | 2022-2025       | Ngân sách tỉnh |
| 1.7  | Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số | Kế hoạch của UBND tỉnh  | Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông |           | 2025            | Ngân sách tỉnh |
| 1.8  | Xây dựng kho dữ liệu điện tử lưu trữ dữ liệu tổ chức, cá nhân   | Cơ sở dữ liệu   | Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông |           | 2022-2025       | Ngân sách tỉnh |



| STT                              | Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể   | Kết quả/ Sản phẩm                           | Chủ trì tham mưu  | Phối hợp          | Thời gian                   | Kinh phí       |
|----------------------------------|---|---|---|-------------------|-----------------------------|----------------|
| 1.9                              | Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp của tỉnh  | Báo cáo kết quả theo quy định               | Phòng Công nghệ thông tin –Viễn thông                   |                   | 2022-2025                   | Ngân sách tỉnh |
| 1.10                             | Duy trì, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh   | Báo cáo kết quả theo quy định               | Phòng Công nghệ thông tin –Viễn thông                   |                   | 2022-2025                   | Ngân sách tỉnh |
| 1.11                             | Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, có tích hợp ký số  | Báo cáo kết quả theo quy định               | Phòng Công nghệ thông tin –Viễn thông                   |                   | 2022-2025                   | Ngân sách tỉnh |
| 1.12                             | Triển khai tích hợp, áp dụng ký số trong các hệ thống thông tin của tỉnh  | Báo cáo kết quả theo quy định               | Phòng Công nghệ thông tin –Viễn thông                   |                   | 2022-2025                   | Ngân sách tỉnh |
| 1.12                             | Tạo lập hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh   | Báo cáo kết quả theo quy định               | Phòng Công nghệ thông tin –Viễn thông                   |                   | 2022-2025                   | Ngân sách tỉnh |
| 1.14                             | Hoàn thiện Công Dịch vụ công của tỉnh, đảm bảo tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh lên cổng Dịch vụ công quốc gia | Báo cáo kết quả theo quy định               | Phòng Công nghệ thông tin –Viễn thông                   |                   | 2022-2025                   | Ngân sách tỉnh |
| 1.15                             | Xây dựng kênh tương tác trực tuyến giữa người dân và các cơ quan hành chính nhà nước  | Báo cáo kết quả theo quy định               | Phòng Công nghệ thông tin –Viễn thông                   |                   | 2022-2025                   | Ngân sách tỉnh |
| <b>2. Triển khai tại cơ quan</b> |   |   |   |                   |                             |                |
| 2.1                              | Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, phát triển chính quyền số hàng năm   | - Kế hoạch;<br>- Báo cáo kết quả thực hiện. | Văn phòng   | Các phòng, đơn vị | Theo Kế hoạch của UBND tỉnh |                |
| 2.2                              | Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm mức độ chính quyền số của cơ quan hàng năm   | - Công văn;<br>- Báo cáo kết quả thực hiện; | Văn phòng   | Các phòng, đơn vị | Theo Kế hoạch của UBND tỉnh |                |
| 2.3                              | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin tại cơ quan   | Tài liệu tuyên truyền                       | Văn phòng   | Các phòng, đơn vị | Theo Đề án của tỉnh         |                |
| 2.4                              | Thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh   | Báo cáo kết quả thực hiện                   | - Phòng Công nghệ thông tin – Viễn thông<br>- Văn phòng | Các phòng, đơn vị | Theo Quy chế của tỉnh       |                |
| 2.5                              | Tiếp tục tuyên truyền và đẩy mạnh việc triển khai cung cấp và tiếp nhận, giải quyết, xử lý hồ sơ TTHC                                       | Báo cáo kết quả thực hiện                   | - Các phòng được giao giải quyết TTHC;                  |                   | Thường xuyên                |                |

| STT | Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể   | Kết quả/ Sản phẩm         | Chủ trì tham mưu   | Phối hợp | Thời gian    | Kinh phí |
|-----|---|---------------------------|--|----------|--------------|----------|
|     | trực tuyến mức độ 4; Ứng dụng có hiệu quả Hệ thống Một cửa điện tử, cập nhật đầy đủ thông tin giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.   |                           | - Công chức làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. |          |              |          |
| 2.6 | Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử của Sở; Trang thông tin điện tử của Trung tâm. Thông tin giao diện đảm bảo đầy đủ theo quy định. Thường xuyên cập nhật đăng tin, bài liên quan đến hoạt động của cơ quan. | Báo cáo kết quả thực hiện | - Ban biên tập Cổng Thông tin điện tử Sở;<br>- Các phòng, đơn vị.  |          | Thường xuyên |          |